

Thứ ba, ngày 9 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đấu tranh tại ngưỡng 900 điểm

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/06/2020		•	
Tuần 8/6-12/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Các dữ liệu trong phiên giao dịch 09/06/2020 có thể bị thay đổi do dữ liệu vào phiên ATC của sàn HOSE bị lỗi. Hiện tại dữ liệu của báo cáo này không bao gồm các giao dịch trong phiên ATC.

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên điều chỉnh nhẹ sau khi quay trở lại ngưỡng 900 điểm. Dòng tiền có dấu hiệu suy yếu khi chỉ có 6/19 ngành tăng điểm với nhóm Du lịch giải trí (HVN, VJC) và Hóa chất (GVR, DCM) có mức tăng mạnh nhất. Khối ngoại quay trở lại bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tuy suy giảm nhưng nằm ở mức cao, biên độ giao dịch thu hẹp và độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý chốt lãi ngắn hạn đang có trở lại thị trường. VN-Index nhiều khả năng sẽ tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 900 trước khi hình thành xu hướng mới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cần nhắc nhở nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 810 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 09/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.9%

Phân tích kỹ thuật: CVT_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.49** điểm, đóng cửa **899.43**. HNX-Index **+0.03** điểm, đóng cửa **120.13**.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.09)**; **GVR (+0.74)**; **HVN(+0.57)**; **VJC(+0.43)**; **BVH(+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.75)**; **CTG(-0.74)**; **SAB(-0.61)**; **HPG(-0.47)**; **VRE(-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,233** tỷ đồng, giảm **-13.7%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 6.02 điểm, thu hẹp so cùng phiên liền trước. Thị trường có **182** mã tăng, **42** mã tham chiếu và **203** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-146.54** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-230.55 tỷ)**, **CII (-44.4 tỷ)** và **MSN (-34.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.03** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

ggg

VN-INDEX

899.43

Giá trị: 6233.17 tỷ

-0.49 (-0.05%)

Khối ngoại (ròng): -146.54 tỷ

HNX-INDEX

120.13

Giá trị: 623.32 tỷ

0.03 (0.02%)

Khối ngoại (ròng): -5.03 tỷ

UPCOM-INDEX

57.29

Giá trị: 0.48 tỷ

-0.01 (-0.02%)

Khối ngoại(ròng): 29.9 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	37.4	-2.15%
Giá vàng	1,708	0.53%
Tỷ giá USD/VND	23,241	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,298	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,538	0.48%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	14.89%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-1.03%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEFVFN	154.0	HPG	-230.6
KDC	38.9	CII	-41.4
VCB	17.2	MSN	-34.4
HCM	9.7	VRE	-31.4
VHC	6.8	VNM	-14.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

9/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.9%	4.5%	11.5%	51.9%	3.0%	3.0%	22.4%
Lãi suất giảm	1.3%	3.7%	8.7%	55.0%	2.2%	2.2%	19.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.0%	1.4%	5.2%	13.0%	13.0%	13.0%	25.7%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	3.3%	4.7%	51.9%	2.9%	2.9%	20.5%
Chiến tranh thương mại	0.7%	3.4%	7.3%	52.4%	-3.5%	-3.5%	18.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.6%	4.8%	40.6%	9.3%	9.3%	15.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	2.5%	5.8%	38.8%	-8.4%	-8.4%	16.6%
FTSE Việt Nam	0.1%	1.7%	2.9%	32.5%	-5.3%	-5.3%	16.8%
Corona Avengers	0.0%	3.1%	9.6%	61.7%	6.5%	6.5%	22.0%
Ngành Dược	0.0%	-0.1%	0.6%	18.4%	-5.2%	-5.2%	18.1%
Nước & Năng lượng	0.0%	1.6%	4.4%	34.2%	-4.8%	-4.8%	16.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	1.5%	3.0%	34.4%	-5.6%	-5.6%	15.9%
VN FinSelect	-0.2%	0.6%	5.3%	40.6%	-1.7%	-1.7%	19.9%
Xây dựng	-0.3%	0.4%	5.1%	45.6%	-0.1%	-0.1%	19.1%
Stay-at-home	-0.4%	1.7%	5.2%	45.6%	5.6%	5.6%	17.2%
BDS & Khu công nghiệp	-0.4%	0.6%	4.2%	33.3%	-7.6%	-7.6%	17.9%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	2.2%	6.7%	58.3%	2.1%	2.1%	19.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.5%	0.5%	5.6%	42.1%	-1.7%	-1.7%	21.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	1.1%	2.7%	35.8%	-6.3%	-6.3%	17.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	1.2%	3.5%	46.1%	-6.7%	-6.7%	21.2%
Ngân Hàng	-0.7%	0.8%	7.0%	41.3%	1.6%	1.6%	23.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.1%	0.5%	4.8%	39.7%	-7.1%	-7.1%	19.3%
VN Diamond	-1.1%	0.7%	3.2%	38.1%	-9.0%	-9.0%	19.4%
Dầu khí	-1.8%	1.7%	10.1%	54.3%	-16.6%	-16.6%	25.2%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	1.0%	3.5%	6.2%	48.9%	-2.3%	-2.3%	19.6%
S11	0.2%	2.0%	5.8%	33.4%	1.9%	1.9%	18.8%
S21	0.0%	1.5%	4.3%	43.3%	-3.0%	-3.0%	19.9%
L11	-0.1%	2.0%	5.3%	36.3%	-5.6%	-5.6%	17.3%
M12	-0.3%	1.1%	4.0%	36.9%	-2.3%	-2.3%	19.8%
M31	-0.4%	2.1%	6.7%	42.7%	-2.6%	-2.6%	20.9%
M22	-0.7%	1.0%	3.6%	42.8%	0.3%	0.3%	18.8%
S32	-0.8%	1.7%	5.4%	53.4%	-10.0%	-10.0%	22.2%
L32	-0.9%	2.5%	8.9%	62.3%	-1.6%	-1.6%	20.9%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.4%	1.5%	4.3%	33.6%	-1.4%	-1.4%	17.1%
MID1	-1.1%	1.0%	6.4%	44.3%	3.9%	3.9%	17.4%
HIGH3	-1.2%	0.5%	3.6%	44.5%	3.0%	3.0%	18.9%
INDEX							
VNINDEX	-0.1%	1.5%	4.0%	35.8%	-6.4%	-6.4%	16.8%
VN30INDEX	-0.2%	1.3%	3.8%	37.0%	-4.8%	-4.8%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	11	13	12	12	18	6
Mục tiêu	9	3	6	7	2	7	2
Rủi ro	3	1	2	0	3	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

kanhvuq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

CVT_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: CVT đã hình thành xu hướng tăng giá sau khi vận động tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 18.0. Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư đã mở vị thế CVT quanh ngưỡng giá 19 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 24 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất nường hỗ trợ ngắn hạn 18.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 09/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.67	1.26%	5.10%	55.70%	-26.71%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.29	1.20%	4.30%	28.70%	-30.69%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.22	1.44%	8.40%	29.70%	-27.27%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1697.09	-0.08%	-1.80%	-0.30%	21.25%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.64	-0.74%	-2.40%	14.00%	14.95%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	865.75	0.12%	1.80%	2.50%	-6.78%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	513.00	0.29%	1.00%	-1.80%	-6.04%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.21	0.35%	3.10%	52.00%	21.67%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	151.07	-0.26%	5.70%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.03	-0.50%	8.60%	14.20%	-13.76%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.90	0.00%	0.60%	-10.60%	-13.85%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5699.50	0.17%	3.90%	10.50%	-2.97%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	509.33	-0.72%	0.20%	4.20%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1605.00	0.85%	4.40%	8.10%	-9.58%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.96	-0.90%	2.90%	22.00%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.05	-1.15%	-1.40%	3.60%	-27.91%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 giảm 1.36 USD tương đương 3.4% xuống 38.19 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 giảm 1.36 USD tương đương 3.4% xuống 38.19 USD/thùng.
- giá dầu chịu áp lực giảm khi Bộ trưởng Năng lượng Saudi, Hoàng tử Abdulaziz bin Salman cho biết, Vương quốc và các đồng minh vùng Vịnh Kuwait và UAE sẽ không tiếp tục cắt giảm thêm 1.18 triệu thùng/ngày. Ngoài ra, các nhà sản xuất dầu đá phiến Mỹ đã bắt đầu mở lại các giếng đã đóng cửa khi giá tăng trở lại cũng gây áp lực giá.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.7% lên 1,696.79 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 1.3% lên 1,705.1 USD/ounce, thúc đẩy bởi kỳ vọng chính sách tiền tệ ôn hòa từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 7.6% lên 798 CNY (112.74 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng do lo ngại nguồn cung sau khi Brazil – nước cung cấp quặng sắt lớn thứ 2 của nước này – đóng cửa khu phức hợp Vale bởi virus corona.
- Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.4% lên 3,616 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng tăng 1.1% lên 3,542 CNY/tấn.

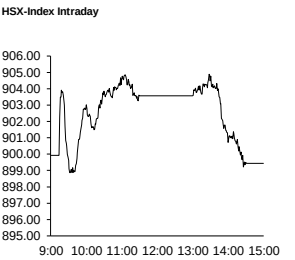
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM tăng 4.5 JPY lên 164 JPY (1.5 USD)/kg. Giá cao sau kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 70 CNY lên 10,600 CNY (1,499 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo tăng lên mức cao nhất gần 3 tháng do nhu cầu được cải thiện nhờ vào thị trường chứng khoán Tokyo tăng, dẫn đầu bởi lạc quan về nền kinh tế hồi phục và giá dầu thô tăng mạnh.

Giá nông sản

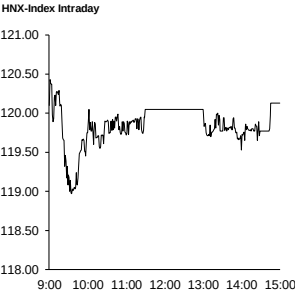
- Đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn New York giảm 0.08 US cent tương đương 0.7% xuống 11.94 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London giảm 5.6 USD tương đương 1.4% xuống 387.3 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 trên sàn ICE duy trì ổn định ở mức 98.9 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn trên sàn London tăng 17 USD tương đương 1.4% lên 1,250 USD/tấn. Thị trường cà phê Arabica chịu áp lực giảm bởi triển vọng sản lượng cao tại Brazil trong năm nay và tiêu thụ toàn cầu suy yếu.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

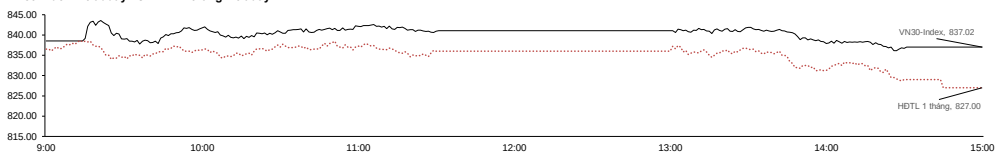
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày	
Ngành	±%
Bán lẻ	-1.53%
Tài nguyên Cơ bản	-1.19%
Dầu khí	-1.06%
Ô tô và phụ tùng	-0.75%
Dịch vụ tài chính	-0.72%
Ngân hàng	-0.59%
Công nghệ Thông tin	-0.29%
Bất động sản	-0.18%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.18%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.15%
Truyền thông	-0.14%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.12%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.28%
Y tế	0.53%
Xây dựng và Vật liệu	0.60%
Bảo hiểm	2.52%
Hóa chất	2.62%
Du lịch và Giải trí	3.06%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	827.00	-1.14%	-10.02	-1.0%	157,697	6/18/2020	11
VN30F2007	820.00	-0.85%	-17.02	-23.6%	902	7/16/2020	39
VN30F2009	806.30	-0.46%	-30.72	121.0%	305	9/17/2020	102
VN30F2012	806.60	-0.75%	-30.42	-31.2%	64	12/17/2020	193

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 1.50 điểm xuống mức 837.02 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, CTG, MWG, và TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay giằng co quanh 840 điểm, trước khi điều chỉnh giảm cuối phiên. VN30 khả năng vận động tích lũy quanh 830-845 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 810 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2003	MBS	9/4/2020	87	3:1	233.320	-17.9%	3.0 triệu	30.27%	1.450	3.200	9.97%	3,219.30	0.99
CSTB2002	KIS	12/16/2020	190	1:1	212.900	125.8%	3.0 triệu	38.70%	1.700	1.700	6.25%	862.00	1.97
CSTB2003	KIS	9/16/2020	99	1:1	167.330	-45.7%	3.0 triệu	38.70%	1.360	1.360	1.49%	766.60	1.77
CDPM2002	KIS	12/16/2020	190	1:1	97.520	-42.8%	2.0 triệu	39.50%	1.700	2.660	0.00%	1,668.30	1.59
CSBT2001	KIS	12/16/2020	190	1:1	217.450	-29.1%	2.0 triệu	35.30%	2.900	1.000	0.00%	419.40	2.38
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	70	5:1	168.210	-30.3%	2.5 triệu	35.10%	1.000	1.100	0.00%	721.90	1.52
CPNJ2002	VND	10/1/2020	114	2:1	39.650	-51.1%	1.0 triệu	35.10%	2.400	4.320	0.00%	2,033.00	2.12
CROS2002	KIS	12/16/2020	190	1:1	112.410	0.0%	2.0 triệu	65.29%	1.000	1.620	0.00%	91.20	17.76
CMSN2004	MBS	9/4/2020	87	5:1	428.230	56.5%	1.5 triệu	32.93%	1.980	2.330	-0.85%	1,906.30	1.22
CTCB2004	MBS	8/18/2020	70	2:1	94.850	-22.9%	2.0 triệu	35.42%	1.050	2.460	-1.60%	2,387.40	1.03
CFPT2003	SSI	11/9/2020	153	1:1	17.510	-23.2%	2.0 triệu	31.99%	7.300	12.150	-2.41%	9,724.60	1.25
CHPG2005	VND	10/1/2020	114	1:1	132.390	93.2%	2.0 triệu	35.12%	2.100	8.420	-4.10%	8,431.10	1.00
CFPT2004	SSI	8/10/2020	62	1:1	16.610	-65.7%	2.0 triệu	31.99%	5.100	9.410	-4.27%	7,943.90	1.18
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	43	1:1	69.340	-34.8%	1.5 triệu	42.85%	2.200	2.680	-5.96%	2,738.60	0.98
CVHM2001	KIS	12/16/2020	190	5:1	111.760	-7.1%	2.0 triệu	34.66%	3.100	1.550	-6.06%	610.30	2.54
CVPB2005	MBS	8/18/2020	70	2:1	302.330	-14.9%	2.0 triệu	42.85%	1.510	2.650	-7.34%	2,506.60	1.06
CREE2002	VND	7/1/2020	22	1:1	149.040	-31.2%	1.5 triệu	29.32%	1.800	1.790	-8.21%	936.40	1.91
CVRE2003	KIS	12/16/2020	190	2:1	663.980	162.7%	3.0 triệu	41.39%	3.000	1.030	-9.65%	437.80	2.35
CHPG2002	KIS	12/16/2020	190	2:1	405.420	59.5%	3.0 triệu	35.12%	1.700	1.670	-13.02%	946.70	1.76
CHPG2004	SSI	6/15/2020	6	1:1	144.790	58.2%	5.0 triệu	35.12%	2.800	3.610	-17.20%	3,618.60	1.00
CVRE2002	HSC	6/22/2020	13	4:1	96.650	-65.4%	5.0 triệu	41.39%	1.400	40	-20.00%	9.90	4.04
Tổng:					3,881,690		51.00 triệu				37.53%**		

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 09/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CROS2002 và CVNM2002 tăng mạnh lần lượt là 18.25% và 11.71%. Trái lại, CDPM2001 và CVRE2004 giảm mạnh lần lượt là -40.00% và -21.20%. Giá trị giao dịch giảm -20.96%. CHPG2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.13% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, VNM và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinh@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	125.00	1.79	1.63
VJC	117.80	2.43	0.96
HDB	28.05	2.37	0.58
EIB	18.10	1.97	0.48
POW	11.05	3.27	0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	27.1	-2.17	-1.30
VPB	24.1	-1.43	-0.78
CTG	24.2	-2.81	-0.68
MWG	88.7	-1.55	-0.54
TCB	21.6	-0.69	-0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2003	108,500	94,000	125,000
CSTB2002	13,588	11,888	10,750
CSTB2003	12,471	11,111	10,750
CDPM2002	16,952	15,252	14,850
CSBT2001	24,011	21,111	16,150
CPNJ2004	72,000	67,000	65,500
CPNJ2002	73,800	69,000	65,500
CROS2002	8,227	7,227	3,690
CMSN2004	64,900	55,000	63,000
CTCB2004	19,100	17,000	21,550
CFPT2003	57,300	50,000	48,950
CHPG2005	21,100	19,000	27,100
CFPT2004	55,100	50,000	48,950
CVPB2003	24,200	22,000	24,100
CVHM2001	110,067	94,567	77,600
CVPB2005	22,520	19,500	24,100
CREE2002	33,800	32,000	31,950
CVRE2003	43,999	37,999	27,900
CHPG2002	33,399	29,999	27,100
CHPG2004	26,300	23,500	27,100
CVRE2002	37,600	32,000	27,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	88.7	-1.6%	1.3	1,746	4.4	8,808	10.1	3.0	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	65.5	-0.9%	1.3	641	2.1	5,248	12.5	3.0	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	52.4	3.6%	1.3	1,691	5.1	1,307	40.1	2.0	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.9	0.7%	0.4	300	0.1	2,092	14.8	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.2	0.2%	0.8	14,147	1.3	2,095	45.9	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.9	-2.4%	1.1	2,756	3.5	1,226	22.8	2.4	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.5	-0.4%	0.8	2,297	3.3	3,584	15.2	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	-0.6%	0.8	431	0.8	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.3	-1.2%	1.4	276	2.2	2,289	5.4	0.9	40.0%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.9	-1.2%	1.3	414	4.5	1,415	11.2	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.9	-2.9%	1.0	177	1.5	4,240	5.9	1.0	28.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	20.7	-0.2%	1.8	275	2.2	1,480	14.0	1.4	53.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	49.0	-0.8%	0.8	1,668	3.2	4,804	10.2	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	53.0	-1.7%	0.4	573	0.1	4,812	11.0	2.8	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	78.4	-0.8%	1.5	6,524	1.6	5,820	13.5	3.0	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	47.6	-0.8%	1.5	2,464	1.4	869	54.8	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.7	-2.1%	1.5	285	4.3	1,238	11.1	0.5	12.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.6	-3.8%	0.8	1,025	3.4	898	8.5	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	94.0	1.1%	0.5	534	0.2	5,046	18.6	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.9	0.7%	0.4	253	2.5	1,006	14.8	0.7	12.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.7	2.8%	0.5	200	1.4	415	20.9	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	89.5	0.1%	1.1	14,432	1.6	4,848	18.5	3.9	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	43.4	-1.5%	1.4	7,581	2.1	2,140	20.3	2.3	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.2	-2.8%	1.2	3,918	7.1	2,510	9.6	1.2	29.8%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.1	-1.4%	1.2	2,554	5.2	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	18.1	0.0%	1.1	1,898	4.7	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.5	0.4%	1.0	1,843	3.9	3,780	6.7	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	52.0	-1.1%	0.9	185	0.4	5,303	9.8	1.7	80.2%	17.0%
NTP	Nhựa	38.2	1.3%	0.4	163	0.0	4,208	9.1	1.5	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-1.3%	0.5	632	0.0	356	41.3	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.1	-2.2%	1.1	3,253	22.2	2,764	9.8	1.5	36.3%	17.4%
HSG	Thép	11.3	0.0%	1.6	218	6.6	1,493	7.6	0.8	14.1%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	125.0	1.8%	0.8	9,464	9.3	5,453	22.9	7.3	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	178.7	-1.8%	0.8	4,982	0.4	6,719	26.6	6.7	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.0	-0.6%	1.0	3,202	4.5	3,961	15.9	1.7	39.3%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.3%	0.7	412	1.6	171	94.6	1.3	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	67.5	-1.7%	0.8	6,389	1.9	3,450	19.6	4.0	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	117.8	2.4%	1.1	2,683	3.7	7,110	16.6	4.1	18.4%	26.3%
HVN	Vận tải	30.2	4.9%	1.7	1,859	4.0	1,654	18.2	2.4	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	20.8	-1.7%	0.9	268	0.3	1,583	13.1	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.7	-0.9%	1.1	143	0.8	2,117	5.5	0.7	25.3%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.3	-1.3%	0.9	461	0.7	9,201	7.4	3.2	2.7%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.2	0.5%	0.8	373	0.3	1,453	13.2	1.3	9.8%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	0.0%	1.0	246	0.2	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	70.5	-1.9%	1.1	234	1.4	8,032	8.8	0.6	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.0%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.9	3.6%	0.4	207	4.2	1,775	11.2	0.9	42.2%	8.5%
POW	Điện	11.1	3.3%	0.6	1,125	5.4	1,028	10.7	1.0	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.8	0.9%	0.5	272	0.3	2,543	8.6	1.5	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	125.00	1.79	1.10	1.70MLN
GVR	13.65	5.00	0.74	4.85MLN
HVN	30.15	4.87	0.57	3.08MLN
VJC	117.80	2.43	0.43	727700.00
BVH	52.40	3.56	0.38	2.26MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	0.00	-0.75	1.12MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-0.75	6.70MLN	607060.00
SAB	0.00	-0.61	54360.00	373600.00
HPG	0.00	-0.47	18.69MLN	192700.00
VRE	0.00	-0.47	2.86MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CRC	13.00	7.00	0.00	181300.00
VRC	8.88	6.99	0.01	617520.00
APC	22.25	6.97	0.01	184850.00
HCD	3.69	6.96	0.00	3.79MLN
SGT	5.54	6.95	0.01	9240.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGC	15.70	-9.77	-0.03	293410.00
C47	10.70	-6.96	0.00	20110.00
SVI	69.60	-6.95	-0.02	720.00
DTT	13.50	-6.90	0.00	10.00
EMC	13.10	-6.76	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.50	0.39	0.16	3.53MLN
SHS	13.60	7.09	0.13	4.56MLN
CEO	9.40	9.30	0.11	4.53MLN
L14	74.20	9.93	0.09	187300.00
OCH	9.60	9.09	0.07	9300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.10	-1.83	-0.40	4.04MLN
IDC	19.10	-3.54	-0.11	44900.00
PVS	13.70	-2.14	-0.07	7.12MLN
DGC	40.90	-1.68	-0.06	270400.00
KLF	2.00	-9.09	-0.03	6.40MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

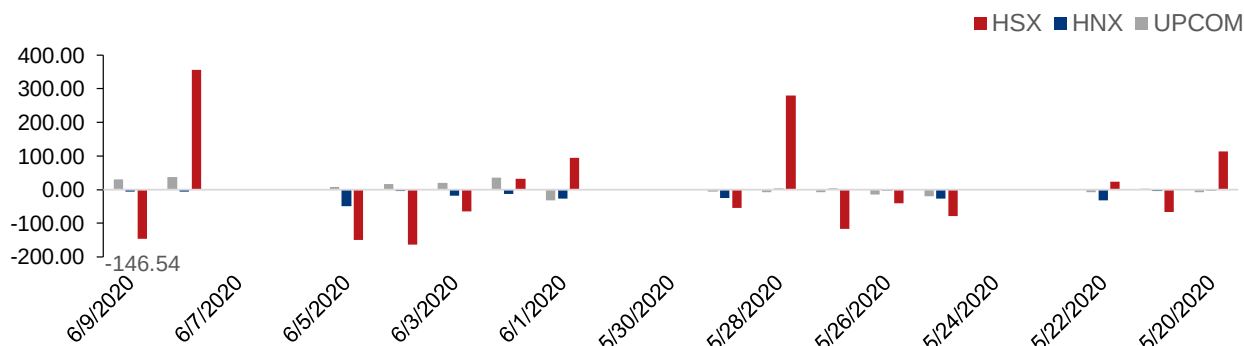
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	1.92MLN
BII	0.90	12.5	0.00	824400.00
VIG	0.90	12.5	0.00	1.29MLN
DST	5.50	10.0	0.02	506200.00
ICG	5.50	10.0	0.00	38900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCT	9.90	-10.00	0.00	1100.00
SFN	25.20	-10.00	-0.01	200.00
TTT	35.80	-9.60	0.00	100.00
NBP	10.70	-9.32	0.00	100.00
VSM	9.80	-9.26	0.00	300.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	63.0	3,961	15.9	1.7	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.9	4,717	8.7	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.3	1,493	7.6	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.7	5,479	8.2	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	21.9	1,140	19.2	1.8	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.1	2,764	9.8	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.6	2,987	7.2	1.2	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	65.5	5,248	12.5	3.0	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.9	5,718	24.1	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.3	2,289	5.4	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.6	1,496	11.1	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	30.5	7,637	4.0	1.4	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.6	5,311	4.4	1.1	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	30.9	4,465	6.9	1.3	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	89.5	4,848	18.5	3.9	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.5	3,780	6.7	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	39.6	6,553	6.0	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.7	3,887	13.8	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	49.0	4,804	10.2	2.3	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	20.8	1,583	13.1	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương Về triển khai Mobile Money tại Việt Nam Ví điện tử tại các thị trường VGI đầu tư: (1) có liên kết với ngân hàng và chỉ có tại các nước chậm phát triển (2) các nước phát triển có thói quen dùng visa. Việt Nam đang xin cấp phép để thử nghiệm về thanh toán (1) một số hàng hóa (2) có giới hạn số tiền được chi trả mỗi tháng (3) không có tài khoản ngân hàng đảm bảo (4) nhà mạng phải ký quỹ với Ngân hàng nhà nước. Thách thức trong việc triển khai ví điện tử tại các thị trường của VGI (1) tìm đối tác là ngân hàng (2) xin được giấy phép. Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019). Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp có vị thế tiền mặt và tiền gửi ngân hàng dồi dào hàng năm và được quản lý tốt, (2) Thu nhập từ 3 liên doanh đảm bảo chính sách cổ tức hấp dẫn, chúng tôi kỳ vọng giai đoạn 2020 - 2021, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức khoảng 4,300-5,200 đồng/cổ phiếu tương đương lợi suất cổ tức 9-10%.
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lô cao, thị phần đạt 70%. 6 lô cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lỗ P4 sử dụng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan: dùng trong chất bán dẫn, màn hình tinh thể lỏng. Nhu cầu 5G cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu của P4. Nếu tăng thuế xuất khẩu P4 lên 20% (hiện tại: 5%), DGC chỉ có thể chuyển 1 phần sang cho khách hàng (5- 10%) do khách hàng có thể mua từ Morocco. Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn. Rủi ro Đầu tư: Dịch bệnh khiến ảnh hưởng kết quả kinh doanh và chất lượng tài sản. Cập nhật KQKD: (1) LNTT +19.2% yoy, trong đó tín dụng +3.7% ytd, NIM - 3 bps so với cuối năm 2019. (2) Thu nhập ngoài lãi +75.6%, trong đó: phí dịch vụ +51.5% yoy, ACB cũng ghi nhận 560 tỷ từ CK đầu tư. (3) Chi phí tín dụng tăng mạnh +462% yoy do ảnh hưởng bởi COVID-19. (4) Tỷ trọng cho vay cá nhân và SME ở mức cao (~63% tổng dư nợ cho vay). Trong đó, tỷ lệ cho cá nhân vay mua nhà ở mức ~80% dư nợ cho vay cá nhân, ~35% cho vay toàn ngân hàng. (5) Giảm lãi suất huy động ngắn hạn hỗ trợ giảm chi phí vốn cho TCB. (6) Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ, dự kiến NPL <2% trong năm 2020. Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).
VTP 2020Q2	19/5/2020	



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn